

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ
KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
- BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ trình bày báo cáo hàng năm của mình cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Tư cách pháp nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 3500757072 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 09 tháng 08 năm 2006 (Số ĐKKD cũ: 4903000278). Thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 05 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính đặt tại địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn

Vốn điều lệ của Công ty: 29.000.000.000 đồng (Hai mươi chín tỷ đồng). Tổng số vốn này được chia thành 2.900.000 (Hai triệu chín trăm ngàn) cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Cơ cấu vốn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư bao gồm :

STT	Cơ cấu vốn	Tỷ lệ %	Số lượng	Giá trị (VND)
1	Công ty TNHH SX Vôi - TM - DV Thống Nhất <i>Đại diện: - Ông Hoàng Văn Lợi</i>	33,8%	980.000	9.800.000.000
2	Tổng công ty Thép Việt Nam <i>Đại diện: - Ông Vũ Xuân Trường</i> <i>- Ông Nguyễn Đình Phúc</i>	24,1%	700.000	7.000.000.000
		14,5%	420.000	4.200.000.000
		9,6%	280.000	2.800.000.000
3	Ông Hoàng Mạnh Hùng	5,5%	158.950	1.589.500.000
4	Ông Trương Diên Đồng	2,6%	75.000	750.000.000
5	Cổ đông khác (3171 cổ đông)	34%	986.050	9.860.500.000
Tổng cộng		100%	2.900.000	29.000.000.000

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500757072 thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 05 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp bao gồm:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Mua bán sắt thép phế liệu (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi đã có đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường)
- Mua bán than đá
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm vôi, hợp kim sắt (sắt silic, sắt mangan, sắt crom), đất đèn, hồ điện cực, que hàn, gạch chịu lửa dùng cho ngành luyện kim; vật liệu xây dựng, các sản phẩm thép (thép xây dựng, dây thép, lưới thép, đinh thép);
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hóa bằng xe liên tỉnh, nội tỉnh;
- Vận tải ven biển (tàu thủy, xà lan);
- Cho thuê kho bãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành Công ty

Thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Hội Đồng Quản Trị

Ông : Hoàng Văn Lợi

Ông : Vũ Xuân Trường

Ông : Nguyễn Đình Phúc

Ông : Trương Diên Đồng

Ông : Phạm Văn Minh

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ban Điều Hành

Ông : Nguyễn Văn Lộc

Ông : Vũ Xuân Trường

Ông : Huỳnh Kim Khánh

Ông : Đào Xuân Hải

Tổng Giám đốc, bãi nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2011

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ban Kiểm Soát

Ông : Nguyễn Thanh Phong

Ông : Ngô Thế Hiền

Bà : Lê Diệu Thúy

Trưởng Ban kiểm soát

Ủy viên ban kiểm soát

Ủy viên ban kiểm soát

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh thêm trong Báo cáo tài chính.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính sau kiểm toán đã được Ban Điều hành Công ty phê chuẩn.

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP (IAC) đã thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ.

Công bố trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty đối với báo cáo tài chính

Chúng tôi chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính đính kèm với nội dung của các báo cáo này đã được soạn thảo đúng đắn và phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho cho kỳ kế toán kết thúc vào thời điểm trên. Các báo cáo tài chính của Công ty được soạn lập theo quy ước giá gốc, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ (sau đây gọi là “Công ty”) gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (đính kèm từ trang 05 đến trang 21).

Trách nhiệm của Ban Điều hành và các Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của các Kiểm toán viên là dựa vào thực tế kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập về báo cáo tài chính đã nêu trên.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có thể thu thập tất cả các thông tin và giải trình mà chúng tôi xét thấy cần thiết nhằm có được đầy đủ chứng cứ đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính này không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chế độ kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và những quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN ĐIỀU HÀNH

CTY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP
TỔNG GIÁM ĐỐC

MAI THANH GIANG - CPA
Chứng chỉ KTV số: 0844/KTV

MAI THANH HIẾU - CPA
Chứng chỉ KTV số: Đ.0129/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.766.859.952	16.700.378.445
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		3.945.705.726	2.133.953.187
Tiền	111	V.01	3.945.705.726	2.133.953.187
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Các khoản phải thu	130	V.02	4.777.589.852	4.593.217.771
Phải thu của khách hàng	131		3.411.053.571	3.356.901.291
Trả trước cho người bán	132		1.380.630.000	1.175.425.000
Các khoản phải thu khác	135		906.281	75.891.480
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(15.000.000)	(15.000.000)
Hàng tồn kho	140		18.869.735.527	9.292.822.223
Hàng tồn kho	141	V.03	18.869.735.527	9.292.822.223
Tài sản ngắn hạn khác	150		173.828.847	680.385.264
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.728.560	11.878.134
Thuế GTGT được khấu trừ	152		131.561.595	608.189.036
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		26.338.692	51.618.094
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	7.200.000	8.700.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.634.970.739	34.183.968.520
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		32.634.970.739	34.051.474.248
TSCĐ hữu hình	221	V.05	32.634.970.739	34.006.569.703
Nguyên giá	222		42.284.877.942	40.722.725.806
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.649.907.203)	(6.716.156.103)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	-	44.904.545
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	132.494.272
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	-	132.494.272
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.401.830.691	50.884.346.965

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		26.544.260.297	18.359.393.582
Nợ ngắn hạn	310		25.278.580.783	12.848.855.855
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	14.330.266.752	8.024.614.960
Phải trả cho người bán	312	V.09	10.635.447.206	4.528.729.814
Người mua trả tiền trước	313	V.10	679.363	71.424.375
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	12.748.622	5.633.659
Phải trả công nhân viên	315		204.473.204	186.292.036
Chi phí phải trả	316	V.12	36.363.636	4.621.212
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	-	27.539.799
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		58.602.000	-
Nợ dài hạn	330		1.265.679.514	5.510.537.727
Vay và nợ dài hạn	334	V.14	1.265.679.514	5.510.537.727
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.857.570.394	32.524.953.383
Vốn chủ sở hữu	410	V.15	33.857.570.394	32.524.953.383
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		211.400.000	351.731.064
Quỹ dự phòng tài chính	418		105.700.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.540.470.394	3.173.222.319
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.401.830.691	50.884.346.965

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 07 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**NĂM 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	87.932.515.674	69.972.615.582
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10 = 01 - 02)	10	VI.03	87.932.515.674	69.972.615.582
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	75.826.991.470	59.946.014.098
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		12.105.524.204	10.026.601.484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	140.894.494	71.801.553
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	2.563.619.771	1.829.685.434
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.563.619.771	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	1.740.832.450	1.541.389.452
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	3.415.949.466	3.225.737.223
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 -22) - (24 + 25)]	30		4.526.017.011	3.501.590.928
11. Thu nhập khác	31		-	3.993.857
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	3.993.857
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.526.017.011	3.505.584.785
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		4.526.017.011	3.505.584.785
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.561	1.209

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 07 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MA SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.526.017.011	3.505.584.784
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.933.751.100	2.818.700.413
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(67.686.661)	(71.801.553)
- Chi phí lãi vay	06		2.563.619.771	1.678.672.909
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.955.701.221	7.931.156.553
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		326.234.762	(1.935.511.673)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.576.913.304)	(5.297.780.580)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		6.124.073.136	(1.091.790.818)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		135.643.846	935.127.030
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.563.619.771)	(1.678.672.909)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(7.200.000)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(211.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.182.519.890	(1.137.472.397)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.517.247.591)	(503.008.474)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		67.686.661	71.801.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.449.560.930)	(431.206.921)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20.534.625.840	16.384.015.743
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(18.473.832.261)	(16.010.008.121)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.982.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		(921.206.421)	374.007.622
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.811.752.539	(1.194.671.696)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.133.953.187	3.328.624.883
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70		3.945.705.726	2.133.953.187

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 07 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 3500757072 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 09 tháng 08 năm 2006 (Số ĐKKD cũ: 4903000278). Thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 05 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính đặt tại địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ của Công ty: 29.000.000.000 VND (Hai mươi chín tỷ đồng)

2. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500757072 thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 05 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp bao gồm:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Mua bán sắt thép phế liệu (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi đã có đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường)
- Mua bán than đá
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm vôi, hợp kim sắt (sắt silic, sắt mangan, sắt crom), đất đèn, hồ điện cực, que hàn, gạch chịu lửa dùng cho ngành luyện kim; vật liệu xây dựng, các sản phẩm thép (thép xây dựng, dây thép, lưới thép, đinh thép);
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hóa bằng xe liên tỉnh, nội tỉnh;
- Vận tải ven biển (tàu thủy, xà lan);
- Cho thuê kho bãi.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: *Bình quân gia quyền*

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: *Kê khai thường xuyên*

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ

Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

8. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Đối với dự án Nhà máy Sản xuất vôi và phụ liệu sản xuất thép tại KCN Phú Mỹ I: Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 (bảy) năm tiếp theo. Thuế suất 10% áp dụng trong 15 (mười lăm) năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2011 là năm thứ ba Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế và là năm thứ ba được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với các ngành nghề kinh doanh dịch vụ khác: Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 8 (tám) năm tiếp theo. Thuế suất 15% áp dụng trong 12 (mười hai) năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2011 là năm thứ ba Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế và là năm thứ hai được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp- kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Tiền mặt tại quỹ	258.152.868	466.292.991
Tiền gửi ngân hàng	3.687.552.858	1.667.660.196
Tiền gửi VND	3.687.552.858	1.667.660.196
+ Ngân hàng Vietcombank	3.677.741.999	1.657.255.539
+ Ngân hàng Indovina	9.810.859	10.404.657
Tổng cộng	<u>3.945.705.726</u>	<u>2.133.953.187</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
a. Phải thu khách hàng		
Công ty Thép Miền Nam	1.462.691.340	2.689.500.660
Xí nghiệp XD & SXCN - Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Số 5	337.492.739	270.273.929
Công Ty CP Thép Thủ Đức	503.985.240	235.488.000
Cơ Sở Tấn Phát	13.731.800	129.412.779
Cơ Sở Vôi Hồng Anh	26.644.200	-
Trần Hoàng Thúy	6.300.000	88.471
Hoàng Nghĩa Điền	543.977.652	32.137.452
Nguyễn Thanh Phong	292.424.600	-
Nguyễn Phước Hiệp	33.000.000	-
Cty TNHH Lê Minh Hưng	39.900.000	-
Cơ sở Lê Văn Mùm	104.111.000	-
Hoàng Văn Ngọc	46.795.000	-
Tổng cộng	<u>3.411.053.571</u>	<u>3.356.901.291</u>

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
b. Trả trước cho người bán		
Công ty Đức Hạnh	15.000.000	15.000.000
TT Tư Vấn DV Tài Nguyên Và Môi Trường	1.295.910.000	1.137.950.000
Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn Độc Lập	20.000.000	-
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Đăng Quang	49.720.000	22.475.000
Tổng cộng	<u>1.380.630.000</u>	<u>1.175.425.000</u>

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
c. Phải thu khác		
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	906.281	5.991.480
Quỹ khen thưởng phúc lợi ghi âm	-	63.400.000
Thế chấp vỏ chai oxy	-	6.500.000
Tổng cộng	<u>906.281</u>	<u>75.891.480</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(15.000.000)	(15.000.000)
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	<u>4.777.589.852</u>	<u>4.593.217.771</u>

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
3. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	17.118.292.545	8.224.636.064
Công cụ, dụng cụ	81.831.804	115.594.865
Thành phẩm	1.078.068.069	280.414.644
Hàng hoá	591.543.109	672.176.650
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>18.869.735.527</u>	<u>9.292.822.223</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>18.869.735.527</u>	<u>9.292.822.223</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Tạm ứng	-	8.700.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.200.000	-
Tổng cộng	<u>7.200.000</u>	<u>8.700.000</u>

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nhà cửa	10.853.154.966	61.790.712	-	10.914.945.678
Máy móc thiết bị	28.710.782.797	1.500.361.424	-	30.211.144.221
Phương tiện vận tải	997.185.282	-	-	997.185.282
Thiết bị quản lý	161.602.761	-	-	161.602.761
Tài sản khác	-	-	-	-
Tổng	<u>40.722.725.806</u>	<u>1.562.152.136</u>	<u>-</u>	<u>42.284.877.942</u>

Khấu hao lũy kế

Nhà cửa	1.794.862.049	725.256.785	-	2.520.118.834
Máy móc thiết bị	4.527.303.017	2.088.575.435	-	6.615.878.452
Phương tiện vận tải	336.087.324	99.718.524	-	435.805.848
Thiết bị quản lý	57.903.713	20.200.356	-	78.104.069
Tài sản khác	-	-	-	-
Tổng	<u>6.716.156.103</u>	<u>2.933.751.100</u>	<u>-</u>	<u>9.649.907.203</u>

Giá trị còn lại

Nhà cửa	9.058.292.917	-	-	8.394.826.844
Máy móc thiết bị	24.183.479.780	-	-	23.595.265.769
Phương tiện vận tải	661.097.958	-	-	561.379.434
Thiết bị quản lý	103.699.048	-	-	83.498.692
Tổng	<u>34.006.569.703</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>32.634.970.739</u>

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	KC vào tài sản trong kỳ	KC giảm khác	Số cuối kỳ
Hệ thống máy nghiền vôi	-	802.906.879	802.906.879	-	-
Kho sửa chữa	-	16.886.167	16.886.167	-	-
Thay gạch chịu nhiệt	-	1.235.122.565	-	1.235.122.565	-
Công trình đấu nối nước thải	44.904.545	-	44.904.545	-	-
Tổng cộng	<u>44.904.545</u>	<u>2.054.915.611</u>	<u>864.697.591</u>	<u>1.235.122.565</u>	<u>-</u>

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thành lập công ty	132.494.272	-	132.494.272	-
Tổng cộng	<u>132.494.272</u>	<u>-</u>	<u>132.494.272</u>	<u>-</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

8, Vay ngắn hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Ngân hàng Vietcombank - CN Vũng Tàu (*)	14.330.266.752	8.024.614.960
Tổng cộng	<u>14.330.266.752</u>	<u>8.024.614.960</u>

(*) Khoản vay ngắn hạn NH Vietcombank bao gồm :

Hợp đồng số 2009/HDTD/TTM ngày 06 tháng 05 năm 2009

- Hạn mức tín dụng : 10.000.000.000 VND
- Mục đích sử dụng : Bổ sung vốn lưu động mua nguyên vật liệu sản xuất với
- Thời hạn vay: 4 tháng kể từ ngày rút vốn cho từng giấy nhận nợ
- Lãi suất : Tùy từng giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành tư vốn vay

Hợp đồng số 2011/HDTD/TTM ngày 16 tháng 05 năm 2011

- Hạn mức tín dụng : 15.000.000.000 VND
- Mục đích sử dụng : Bổ sung vốn lưu động mua nguyên vật liệu sản xuất với
- Thời hạn vay: 5 tháng kể từ ngày rút vốn cho từng giấy nhận nợ
- Lãi suất : thả nổi theo lãi suất của Vietcombank, CN Vũng Tàu
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành tư vốn vay

9, Phải trả người bán

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Công ty TNHH SX Với TM - DV Thống Nhất	4.364.373.170	864.076.301
Công ty CP Than Miền Nam	-	100.000.000
Công ty CP Xi Măng Kiên Giang	1.359.095.600	803.246.198
Công ty TNHH Kim Thành	46.357.129	117.089.850
DNTN Thượng Hải	-	179.109.645
Công ty TNHH Hòa Tâm	4.176.000	16.056.000
Công ty TNHH SXCBNS Bột Văn Thắng	1.669.635.000	530.571.960
Công ty TNHH Lê Phạm	2.283.571.000	467.689.200
Công ty TNHH SX TM Tám Thao	-	279.445.760
Công ty TNHH Thép Phương Nam	284.433.877	296.044.000
Công ty TNHH TM DV Trường Ngọc	64.644.580	132.538.780
Công ty CP XNK Châu Ngân	-	155.386.000
Công ty CP KT KS XD Miền Nam	395.085.850	584.976.120
Công ty CP Công Nghiệp Thiên Tân	127.375.000	-
DNTN Thương mại Vi Vân	34.200.000	-
DNTN Cơ khí XD Năm Đô	2.500.000	2.500.000
Tổng cộng	<u>10.635.447.206</u>	<u>4.528.729.814</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

10, Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Nguyễn Thanh Phong	-	30.000.000
Công ty CP Công trình giao thông tỉnh BRVT	-	2.939.775
Trần Thị Giao Linh	679.363	38.484.600
Tổng cộng	<u>679.363</u>	<u>71.424.375</u>

11, Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (*)

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Thuế thu nhập cá nhân	12.748.622	5.633.659
Tổng cộng	<u>12.748.622</u>	<u>5.633.659</u>

(*)Số thuế phải nộp thực tế sẽ do cơ quan thuế quyết toán. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định của cơ quan thuế.

12, Chi phí phải trả

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Phí dịch vụ trích trước	36.363.636	4.621.212
Tổng cộng	<u>36.363.636</u>	<u>4.621.212</u>

13, Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Kinh phí công đoàn	-	27.539.799
Tổng cộng	<u>-</u>	<u>27.539.799</u>

14, Các khoản vay dài hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Vay dài hạn	-	-
Ngân hàng Indovina(*)	1.265.679.514	5.510.537.727
Tổng cộng	<u>1.265.679.514</u>	<u>5.510.537.727</u>

(*) Hợp đồng tín dụng số 72/0308/MTLc/1019442 ngày 17 tháng 03 năm 2008

Hạn mức :	5.000.000.000 VND
Thời hạn vay :	5 năm kể từ ngày giải ngân
Lãi suất :	tùy từng lần nhận nợ
Mục đích vay:	bổ sung vốn lưu động xây nhà xưởng
Tài sản đảm bảo:	hợp đồng thế chấp ngày 17 tháng 03 năm 2008

15, Tình hình góp vốn điều lệ: Công ty đã góp đủ vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THÀNH MỸ

KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	29.000.000.000	-		1.469.368.599	30.469.368.599
Tăng vốn trong năm trước					-
Lãi trong năm trước	-			3.505.584.784	3.505.584.784
Tăng khác	-	351.710.509		-	351.710.509
Giảm khác	-			(1.801.710.509)	(1.801.710.509)
Số dư cuối năm trước	29.000.000.000	351.710.509	-	3.173.242.874	32.524.953.383
Số dư đầu năm nay	29.000.000.000	351.710.509	-	3.173.242.874	32.524.953.383
Tăng vốn trong năm nay		-	-		-
Lãi trong năm nay				4.526.017.011	4.526.017.011
Tăng khác		211.400.000	105.700.000		317.100.000
Giảm khác		(351.710.509)	-	(3.158.789.491)	(3.510.500.000)
Số dư cuối năm nay	29.000.000.000	211.400.000	105.700.000	4.540.470.394	33.857.570.394

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu đến 31 tháng 12 năm 2011

STT	Tên thành viên	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH SX Với TM - DV Thống Nhất <i>Đại diện : Hoàng Văn Lợi</i>	9.800.000.000	33,8%
2.	Tổng Công ty Thép Miền Nam <i>Đại diện : Vũ Xuân Trường</i> <i>:Nguyễn Đình Phúc</i>	7.000.000.000	24,1%
3.	Cổ đông khác	12.200.000.000	42,1%
	Tổng cộng	29.000.000.000	100%

c. Cổ phiếu

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	2.900.000	2.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	87.872.880.435	69.956.947.142
Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.635.239	15.668.440
Tổng cộng	<u>87.932.515.674</u>	<u>69.972.615.582</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
3. Doanh thu thuần	<u>87.932.515.674</u>	<u>69.972.615.582</u>
4. Giá vốn hàng bán		
	Năm 2011	Năm 2010
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	31.553.432.436	35.297.894.510
Giá vốn thành phẩm (vôi cục) đã bán	41.246.927.662	22.806.334.929
Giá vốn của thứ phẩm (vôi bột)	3.026.631.373	1.841.784.659
Tổng cộng	<u>75.826.991.471</u>	<u>59.946.014.098</u>
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	140.894.494	71.801.553
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Tổng cộng	<u>140.894.494</u>	<u>71.801.553</u>
6. Chi phí tài chính		
	Năm 2011	Năm 2010
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	18.352.105
Lãi tiền vay	2.563.619.771	1.811.333.329
Tổng cộng	<u>2.563.619.771</u>	<u>1.829.685.434</u>
7. Chi phí bán hàng		
	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.476.973.795	1.359.571.270
Chi phí bằng tiền khác	263.858.655	181.818.182
Tổng cộng	<u>1.740.832.450</u>	<u>1.541.389.452</u>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nhân viên	1.713.229.722	1.299.235.885
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.488.148	113.243.250
Chi phí công cụ, đồ dùng	56.276.775	20.907.390
Chi phí khấu hao TSCĐ	187.107.468	187.107.468
Thuế, phí lệ phí	11.660.261	14.008.434
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.735.784	109.380.263
Chi phí bằng tiền khác	1.258.451.308	1.481.854.533
Tổng cộng	<u>3.415.949.466</u>	<u>3.225.737.223</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh thêm trong Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Thông tin về các bên liên quan

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Giá trị - VND
Công ty TNHH SX Với TM- DV Thống Nhất	Công ty liên kết	Mua hàng	10.427.061.784
Công ty Thép Miền Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	74.465.862.011

Vào thời điểm lập Bảng Cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan được thể hiện như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Khoản phải thu (phải trả)- VND
Công ty TNHH SX Với TM- DV Thống Nhất	Công ty liên kết	Mua hàng	(4.364.373.170)
Công ty Thép Miền Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	1.462.691.340

3. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	54,03%	67,18%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	45,97%	32,82%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng Nguồn vốn	43,95%	36,08%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng Nguồn vốn	56,05%	63,92%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,28	2,77
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,10	1,30
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,16	0,17
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	5,15%	5,01%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	5,15%	5,01%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	7,49%	6,89%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	7,49%	6,89%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	13,37%	10,78%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

4, Những thông tin khác

Thông tin so sánh

Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn Đất Việt.

Kế toán trưởng

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 07 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám Đốc